# Bỏng

**1.Phân độ bỏng**

1.1Độ 1 tổn thương biểu bì  
1.2Bỏng độ 1 là tổn thương đến lớp tế bào đáy

1.3Bỏng trung gian thường tiến triển tốt thành bỏng nông

1.4Độ 3 tổn thương cơ xương

1.5Độ 2 tổn thương đến cơ và mạch máu……

**2.Nguyên tắc điều trị bỏng trong 48h đầu**

a.Truyền dịch

b.Truyền máu, huyết tương, dịch thay thế

c.Theo dõi mạch, nhiệt, HA

d. Cả 3

**3.Công thức Evans?(bn 50kg bỏng 30%)**

a.3000 ml

b.4000ml

c.5000 ml

d.6000 ml

# Hoại thư sinh hơi

**1.Đặc điểm vi khuẩn:**

1.1Trực khuẩn

1.2Cầu khuẩn

1.3Gr dương

1.4Gr âm

* 1. 3 type độc tố

**2.Nguyên nhân gây các biểu hiện lâm sàng**

a.Ngoại độc tố

b Nội độc tố

c Độc lực của vi khuẩn

..  
**3. Khi hoại thư sinh hơi lan đến thành bụng**:

a. Không can thiệp gì vì quá nặng

b. Cắt lọc mép vết thương

c.Rạch rộng nhiều chỗ và để hở

d. Tháo khớp háng

# Xuất huyết tiêu hóa trên

**1.Phương pháp vô cảm trong mổ cắt dạ dày XHTH:**

a.Mê NKQ, dãn cơ

b.Mê tĩnh mạch

c.Tê TS

d.Tê tại chỗ

**2.Xét nghiệm độ nặng?**

a.Hb, HCT, RBC tăng

b.Hb, HCT, RBC giảm

c.RBC, WBC tăng  
  
**3. Tính chất phân trong XHTH cao:**

a.đen như hắc ín, sền sệt

b. đỏ tươi

c. thành khuôn, rắn

# Hội chứng chảy máu trong ổ bụng

# 1.Phân biệt vỡ bàng quang trong và ngoài phúc mạc

# a.phản ứng thành bụng

# b.bụng chướng

# c.có cầu bàng quang

# d.thông tiểu có máu

# Bệnh phình giãn TQ

**1.Hình ảnh nội soi?**

1.1Niêm mạc mềm mại tập trung

1.2Đưa qua tâm vị dễ

1.3Đưa qua tâm vị khó

1.4.Cơ thắt đóng chặt

**2.CLS chẩn đoán xác định?** (ơ cái này không biết có nhầm câu không, hình như là chẩn đoán phình giãn thực quản cơ năng?)

a. nội soi

b.CT

c.đo áp lực thực quản

**3. Bệnh phình giãn thực quản là**

a. gia đình

b. di truyền

c. địa phương

d. nguyên nhân chưa rõ

**UNG THƯ THỰC QUẢN**

**1.Phương pháp CLS phát hiện sớm**

a.NS nhuộm

b.CT

c.MRI

d.X Qung

**2.Phương tiện chẩn đoán hình ảnh đánh giá khả năng cắt u thực quản**  
a. chụp cản quang thực quản tiêu chuẩn

b. chụp đối quang kép

c. nội soi+ sinh thiết

d. SA nội soi+ CLVT

# U bụng

**1.U nào gây triệu chứngvàng da tắc mật(trừ u nào má ơi)**

a.U nang giả tụy

b.U bóng valter

c.U đầu tụy

d.U đường mật

**2.U nào ko gây RL kinh nguyệt**

a.UT CTC

b.UT nội mạc TC

c.U xơ TC

d.U trực tràng di căn âm đạo

# Ung thư trực tràng

**1.Phân dẹt hình lòng máng gặp trong?**

1. K trực tràng thấp
2. K trực tràng cao
3. K đại tràng
4. K ống hậu môn

# Thoát vị bẹn đùi

**1.Khâu thành bụng bằng chỉ**

a.Đơn sợi không tiêu

b.Đơn sợi chậm tiêu

c.Đa sợi không tiêu

d.Đa sợi chậm tiêu

**2.Trẻ em có thể tự phục hồi thoát vị do**

a.Phát triển dần hoàn thiện

b.Tác dụng của băng ép

c. Không hoạt động gì

**3.Dấu hiệu quạn trọng nhất để chẩn đoán thoát vị:**

a.Sở thấy khối thoát vị

b.Lỗ bẹn rộng

c.Sờ thấy tinh hoàn

…

# Trĩ

**1.Dấu hiệu nào không gặp trong trĩ ngoại tắc mạch?**

a.Chảy máu

b.Búi trĩ giãn tím, nổi mạch ngoằn ngoèo

c.Chạm vào đau  
d.Bệnh nhân đau nhiều

**2.Đ/S về PT Ferguson**?

**2**.1Để hở vết thương

2.2 Thắt riêng lẻ từng búi trĩ

2.3 Thắt và cắt tận gốc búi trĩ

* 1. Khâu kín da với da, niêm mạc vs niêm mạc

**3.Triệu chứng nào không gặp**

a.Ỉa máu tươi

b.Đi ngoài phân đen

c.Đau rát khi đại tiện

d.Ngứa

# Rò hậu môn (hình như phần này hổng có câu nào)

# Giãn ĐTBS

**1.DH CLS nào găọ trong GĐTBS?**1.1 XQ trực tràng nhỏ  
1.2 XQ đại tràng sigma giãn  
1.3 Đo nhu động trực tràng : không có1.4 Đo nhu động trực tràng tăng1.5 Sinh thiết không có tế bào hạch ở trực tràng  
1.6. Sinh thiết có tế bào hạch ở trực tràng

**2.Bệnh lý nào dễ CDPB nhất**

a.Teo HM

b.Teo trực tràng

c.Tắc ruột phân xu

**3.Dung dịch nào để thụt?**a. Muối đẳng trương

b. Dung dịch nhược trương

c.Dung dịch ưu trương

d. Nước cất

**4.BC giãn ĐT tái phát là do**  
a. hẹp miệng nối  
b. cắt chưa hết đoạn giãn  
c. cắt chưa hết đoạn vô hạch

**5.Triệu chứng nào sau đây của giãn đại tràng bẩm sinh ở trẻ sơ sinh**a. Thụt không có phân su  
b.Thụt ra phân su

c. Đái ra phân su  
d. Phân su ở âm đạo

# Dị tật HMTT

**1.Các TC LS khi thăm khám HM có nắp?**

1.1 Khi khóc vết tích hậu môn phồng lên

1.2 Khi khóc vết tích hậu môn không phồng

1.3. Ẫn vào vết tích hậu môn mềm

1.4 Ấn vào vết tích hậu môn chắc

1.5 Đái ra phân su

**2.Dấu hiệu lâm sàng của DTHM-TT:**

2.1. Không ỉa phân su

2.2 Ỉa phân su qua lỗ hậu môn

2.3 Đái ra phân su

2.4 Ỉa phân su qua lỗ rò

**3.Chỉ định mổ 1 thì trong:**  
a. Teo hậu môn trực tràng

b. Rò trực tràng niệu đạo

c. Hậu môn nắp  
d. Nữ

# Gãy xương hở

**1.Độ nào xử trí như gãy kín**

a.1

b.2

c.3

d.4

**2.TH nào đóng ko đóng da sớm**

a.Đến sớm

b.Không quá bẩn

c.Lóc da cuống dưới

**3. Biến chứng sớm gồm**

3.1 Shock

3.2 Can lệch

3.3 Khớp giả

3.4 Chậm liền xương

**4.Gãy hở độ mấy thì có hiện tượng chèn ép khoang:**

a. Độ II  
b. Độ IIIa  
c. Độ IIIb

d. Độ IIIc

**5.Chẩn đoán gãy xương hở:**

5.1. Lộ xương gãy

5.2. Dịch tủy xương chảy ra ngoài  
5.3. Cử động bất thường

**6. Nguyên tắc xử trí vết thương gẫy xương hở(câu này nhớ nhầm thì phải, hình như là của VT phầm mềm)**

a. Cắt lọc –rạch rộng – để hở

**7. Chỉ định garo trong trường hợp nào?**

7.1 Garo làm ngừng chảy máu vết thương phần mềm

7.2 Đoạn chi dập nát không bảo tồn được

7.3 Bệnh nhân sốc, garo chống sốc

7.4 Vết thương mạch máu lớn, garo cầm máu’

# Vết thương khớp

**1**.Bệnh nhân nam, vào viện vì đau gối trái sau tai nạn đậ gối xuống nền cứng. Khám lâm sàng thấy gối trái sưng nề có 1 vết thương 3 cm ở mặt trước khớp gối, chảy máu. Bệnh nhân mất gấp gối chủ động. Dùng một miếng gạc trắng vô khuẩn đắp vào mặt vết thương, kiểm tra miếng gạc thấy trung tâm đỏ thẫm, càng ra ngoại vi máu càng nhạt dần và xa hơn là màu vàng. Bệnh nhân có nhiều khả năng bị:

1.1. Vết thương thấu khớp  
1.2. Vết thương phần mềm  
1.3 Vết thương vỡ xương bánh chẻ  
1.4 Không chẩn đoán được

**2.XQ điển hình của vết thương khớp:**

2.1.Khe khớp rộng

2.2 Có mảnh xương kẹt trong khớp

2.3 Có khí trong khớp

2.4 Có dị vật cản quang nội khớp

2.5 Gãy xương vùng diện khớp

**3. Xử trí trong vết thương khớp**

3.1 Loại bỏ hoàn toàn dị vật trong khớp

3.2 Bất động khớp ở tư thế cơ năng sau phẫu thuật

3.3 Loại bỏ hoàn toàn dị vật khớp

3.4 Bơm rửa sạch ổ khớp bằng HT mặn và õxy già

3.5 Dẫn lưu khớp

# Vết thương bàn tay + Nhiễm Khuẩn bàn tay

**1.Tàn phế do** đ/s (hình như là trừ cơ mà)

1.1 Nhiễm khuẩn

1.2 Tổn thương tk

1.3 Cal lệch

1.4 Cứng khớp

* 1. Dính gân

**2.Xử trí TK?**2.1 Ghép thì 2

2.2 Nối thì 2

2.3 Nối ngay bao thần kinh

* 1. Nối ngay sợi thần kinh bằng kính phóng đại

**3.Về VTBT đ/s**

3.1 Phẫu thuật hoàn toàn không để lại di chứng

3.2 Không cắt qua nếp da

3.3 Cắt qua nếp da

3.4 Qua kẽ ngón

* 1. Không qua kẽ ngón

**4.Xử trí da**

4.1 Vá da ngay

4.2 Chuyển vạt da ngay

4.3.Khâu kín

4.4. Để da hở

**5.Vị trí garo khi chích mủ ngón**

a. Cánh tay

b. Cẳng tay

c. Bàn tay

d . Gốc ngón tay

**6.Về đường rạch trong viêm mủ BHD ngón 5, chọn sai**

a.Có thể rạch cả phía quay

b Rạch phía quay ngón út

c. Đường rạch BHD trùng đường rạch da

d. Rạch BHD dọc trục ngón

**7. Vi khuẩn hay gặp trong nhiễm trùng bàn tay là :**  
a. Liên cầu

b. Tạp khuẩn

c. Tụ cầu

d Vi khuẩn yếm khí

# Vết thương phần mềm

**1.Vùng nào được khâu kín ngay**

1. Chi trên
2. Đầu mặt
3. Chi dưới
4. Thân mình

**2.Nguyên tắc xử trí?**

**3. Vết thương phần mềm nghiêm trọng trừ (có đúng ko ta?):**a. Vết thương hỏa khí

b. Đa chấn thương

c. Lóc da diện rộng

# Chấn thương cột sống

**1.Hội chứng tủy trước:**

a. Chỉ liệt vận động

b. Liệt vận động giảm cảm giác sâu

c. Mất cảm giác sâu, còn cảm giác nông

**2.TC LS liệt tủy hoàn toàn**

a.Mất px cơ thắt, Cương dương

**3.Biểu hiện tổn thương tủy khi chấn thương cột sống lưng là:**

a. Yếu 2 chân

b. Liệt hoàn toàn 2 chân nhưng còn cảm giác

c. Yếu tứ chi

d. Liệt hoàn toàn chân nhưng còn cảm giác

# U não

**1.Tia xạ chỉ định cho**

a.U hố sau

b. Sau pt cho u nhậy cảm

c. Chỉ định trước phẫu thuật

d. Kéo dài thời gian sống

**2.Rối loạn ngôn ngữ khi tổn thương?**

a.Thùy thái dương bán cầu ưu thế

b.Thùy đỉnh

c. Thùy chẩm

d. Bán cầu ưu thế

**3.XQ thấy vôi hóa vùng hố yên là**

a.U tuyến yên

b.U sọ hầu

c.U màng não

# K thận

**1.Độ 1,2,3 điều trị gì?**

a. Hóa trị  
b. Xạ trị

c.Miễn dịch

d. Cắt thận rộng rãi

# K BQ

**1.Độ 2 điều trị gì?**

a. Cắt bàng quang toàn bộ

b. Căt bàng quang bán phần

c. Điều trị tia xạ

d. Mổ nội soi và hóa chất

# UPĐLTTTL

**1.Chỉ định điều trị nội UPĐTLT**

a.Gđ 1

b. Tồn dư <100ml

c. Chất lượng cuộc sống chưa ảnh hưởng

# Phồng ĐMC bụng

**1.Dọa vỡ làm gì**

a.Mổ cc thay mạch nhân tạo

b.Đặt stent graft?

c.Bắt cầu đm nách-đùi

**2. Hay phồng ở đoạn mạch nào**

a.ĐMC ngang thận

b. ĐMC dưới thận

**3. Triệu chứng chẩn đoán chắc chắn nhất phồng động mạch chủ bụng:**

a. Khối u bụng đập theo nhịp tim

b.Khối u bụng mềm

c. Thiếu máu chi mạn tính

d. Mạch bắt yếu

# HC thiếu máu chi cấp

**1.Điều trị triệt để TM chi do tắc đm cấp**

a.Mổ lấy cục tắc

b. Mổ lấy cục tắc, dùng chống đông lâu dài

c. Mổ lấy cục tắc, điều trị bệnh nền

d. Mổ lấy cục tắc, tìm nguyên nhân và điều trị dứt điểm

**2.Xử trí cấp cứu dùng**

a. Heparin

# HC CEK

**1.Theo dõi bằng?**

1.1 Lâm sàng

1.2 Sinh hóa

1.3 Doppler mạch

1.4 Đo áp lực khoang

* 1. Chụp mạch

**2.Mở cân khi**

a.Bắp chân căng, tê bì

b.Bắp chân căng, vđ cg bình thường

c. Áp lực khoang >=30mmHg

**3.VT hay gặp CEK**

a. 1/3 trên cắng chân

b. 1/3 giữa cẳng chân

c. 1/3 dưới cẳng chân

d. cổ chân

**4.Cẳng chân có mấy khoang?**

a.2

b.3

c.4

d.5

# Gãy xương chậu

**1.Sơ cứu không làm gì**

a.Nằm ván cứng

b. Đặt sonde bàng quang

c .Giảm đau

d.Chống shock

**2.Chỉ định KHX ổ côi khi di lệch**

a.2,5mm

b. 3mm

c.5mm

d. 1cm

**3.BC vỡ ổ cối**

3.1 Cứng háng

3.2 Hoại tử chỏm xương đùi

3.3 Hoại tử khớp háng

3.4 Gãy cổ xương đùi

* 1. Thoái hóa khớp háng

**4.Đứt niệu đạo sau không gặp**

a.Thăm trực tràng không đau

b. Rỉ máu miệng sáo

c.Cầu bq

d. Sonde tiểu dễ dáng, không ra máu kèm

# U xương 1.Ý nào sau đây là đúng về u xương

1.1 XQ chẩn đoán chắc chắn

1.2 XN máu có gt chẩn đoán

1.3Có thể từ nhiều loại tb

1.4 Nguyên phát hoạc thứ phát

**2.Lấy mẫu sinh thiết xương thế nào là đúng**  
a. Lấy nhiều vị trí

b. Ranh giới quanh u

c. Gửi nhiều Labo

d. Tất cả đều đúng

**3. Điều trị u xương ác tính:**

a. Phẫu thuật

b. Tia xạ

c. Hóa chất

**4.Lâm sàng u xương**

4.1.Triệu chứng lâm sàng thường rầm rộ

4.2 Triệu chứng lâm sàng thường rõ ràng

4.3 Đau thường khiến bệnh nhân đi khám bệnh

4.4 Tuổi là 1 yếu tố quan trọng trong chẩn đoán

**SỐC CHẤN THƯƠNG**

**1.Bệnh nhân hôn mê thường suy hô hấp do:**a. Tụt lưỡi

b. Chấn thương hàm mặt, máu chảy khoang miệng

c. Dị vật lọt đường thở

d.Chấn thương sọ não, tăng ALNS

**2.Loại dịch truyền điều trị trong shock chấn thương**

a.HTM đẳng trương

b. HTN 5%

c. HTn 10%